

Số: 76/2016/QĐ-UBND

Đồng Tháp, ngày 21 tháng 12 năm 2016

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc quy định giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý  
rác thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp**

**UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;  
Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;  
Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;  
Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

- Quyết định này quy định giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.
- Quyết định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân, hộ gia đình được cung ứng dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn nơi có tổ chức hoạt động thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt.
- Đối tượng không thu tiền dịch vụ: các hộ gia đình thuộc diện nghèo được cấp sổ nghèo.

**Điều 2. Giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải**

1. Đối với các địa bàn có rác thải sinh hoạt được Công ty TNHH Một thành viên Cấp nước và Môi trường đô thị Đồng Tháp vận chuyển về xử lý tại bãi rác Đập Đá, huyện Cao Lãnh, bao gồm: thành phố Cao Lãnh, huyện Cao Lãnh, huyện Tháp Mười và một phần của các huyện: Thanh Bình, Tam Nông, giá thu theo biểu dưới đây:

TT	Đối tượng thu	Đơn vị tính	Giá dịch vụ
1	Hộ gia đình không sản xuất, kinh doanh	đồng/hộ/tháng	30.000
2	Hộ kinh doanh (ăn uống, tạp hóa, văn phòng phẩm, quần áo, giày dép, tiệm vàng bạc, đồ điện, vật liệu xây dựng, tiệm thuốc, điện thoại, sửa chữa hoặc rửa xe ô tô, xe máy và các mặt hàng khác)		

2.1	Lượng rác thải ít hơn 01m <sup>3</sup> /tháng	đồng/hộ/tháng	30.000
2.2	Lượng rác thải bằng hoặc lớn hơn 01 m <sup>3</sup> /tháng	đồng/m <sup>3</sup> rác	280.000
3	Cơ quan, đoàn thể, đơn vị vũ trang, trụ sở làm việc của các doanh nghiệp, nhà trẻ, trường học.		
3.1	Lượng rác thải ít hơn 01m <sup>3</sup> /tháng	đồng/đơn vị/tháng	210.000
3.2	Lượng rác thải bằng hoặc lớn hơn 01m <sup>3</sup> /tháng	đồng/m <sup>3</sup> rác	210.000
4	Nhà máy, xí nghiệp, cửa hàng, cơ sở sản xuất - chế biến - kinh doanh - dịch vụ, kho chứa hàng, cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm; nhà hàng, nhà trọ, nhà nghỉ, khách sạn; chợ, siêu thị, bến xe, bến phà; căn tin, ký túc xá sinh viên; khu du lịch, công trình xây dựng; bệnh viện, cơ sở y tế.	đồng/m <sup>3</sup> rác	280.000
5	Buôn bán ăn uống vỉa hè (kể cả thường xuyên hay không thường xuyên)	đồng/ngày	2.000

Giá dịch vụ nêu trên đã bao gồm thuế giá trị gia tăng. Trường hợp một đối tượng thuộc diện áp dụng nhiều mức thu thì chỉ thu mức giá cao nhất.

2. Đối với các địa bàn còn lại, bao gồm: thành phố Sa Đéc, huyện Châu Thành, huyện Lai Vung, huyện Lấp Vò, thị xã Hồng Ngự, huyện Hồng Ngự, huyện Tân Hồng và một phần còn lại của các huyện Thanh Bình, Tam Nông, giá thu theo biểu dưới đây:

TT	Đối tượng thu	Đơn vị tính	Giá dịch vụ
1	Hộ gia đình không sản xuất, kinh doanh	đồng/hộ/tháng	24.000
2	Hộ kinh doanh (ăn uống, tạp hóa, văn phòng phẩm, quần áo, giày dép, tiệm vàng bạc, đồ điện, vật liệu xây dựng tiệm thuốc, điện thoại, sửa chữa hoặc rửa xe ô tô, xe máy và các mặt hàng khác)		
2.1	Lượng rác thải ít hơn 01m <sup>3</sup> /tháng	đồng/hộ/tháng	24.000
2.2	Lượng rác thải bằng hoặc lớn hơn 01 m <sup>3</sup> /tháng	đồng/m <sup>3</sup> rác	190.000
3	Cơ quan, đoàn thể, đơn vị vũ trang, trụ sở làm việc của các doanh nghiệp, nhà trẻ, trường học.		
3.1	Lượng rác thải ít hơn 01m <sup>3</sup> /tháng	đồng/đơn vị/tháng	120.000
3.2	Lượng rác thải bằng hoặc lớn hơn 01m <sup>3</sup> /tháng	đồng/m <sup>3</sup> rác	120.000
4	Nhà máy, xí nghiệp, cửa hàng, cơ sở sản xuất - chế biến - kinh doanh - dịch vụ, kho chứa hàng, cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm; nhà hàng, nhà trọ, nhà nghỉ, khách sạn; chợ, siêu	đồng/m <sup>3</sup> rác	190.000

	thị, bến xe, bến phà; căn tin, ký túc xá sinh viên; khu du lịch, công trình xây dựng; bệnh viện, cơ sở y tế.		
5	Buôn bán ăn uống vỉa hè (kể cả thường xuyên hay không thường xuyên)	đồng/ngày	2.000

Giá dịch vụ nêu trên đã bao gồm thuế giá trị gia tăng. Trường hợp một đối tượng thuộc diện áp dụng nhiều mức thu thì chỉ thu mức giá cao nhất.

**Điều 3. Đấu giá quyền khai thác dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải**

1. Các địa phương không tổ chức bộ máy thu gom và vận chuyển rác thải thì phải thực hiện đấu giá quyền khai thác dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải, trừ trường hợp đã được cấp có thẩm quyền quyết định.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện, thị xã, thành phố tổ chức đấu giá quyền khai thác dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải thuộc địa bàn quản lý.

**Điều 4. Quản lý và sử dụng nguồn thu**

1. Việc thu tiền sử dụng dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải phải có biên lai, hoá đơn thu theo quy định; phải có hợp đồng giữa tổ chức thu tiền dịch vụ với người sử dụng dịch vụ.

2. Tổ chức, đơn vị thu tiền dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt phải mở sổ sách kế toán để theo dõi, phản ánh việc thu, nộp và quản lý, sử dụng nguồn thu, nộp thuế theo quy định của pháp luật.

**Điều 5. Hiệu lực thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017; giá thu dịch vụ quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 2 Quyết định này được áp dụng kể từ tháng 02 năm 2017.

2. Quyết định số 07/2015/QĐ-UBND ngày 06 tháng 02 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp ban hành Quy định về thu phí vệ sinh trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

**Điều 6.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Công ty TNHH Một thành viên Cấp nước và Môi trường đô thị Đồng Tháp; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 6;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Đoàn ĐBQH đơn vị Tỉnh;
- TT/TU, TT/HĐND Tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT/UBND Tỉnh;
- LĐVP/UBND Tỉnh;
- Công Thông tin Điện tử Tỉnh;
- Công báo;
- Lưu: VT, KTTH.HS.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Châu Hồng Phúc**